

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **38** /2018/HS-ST
Ngày 17/7/ 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thuận Lợi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Thanh;
2. Bà Dương Thị Thúy Duy.

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Nhựt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Hứa Thoại Khương, Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 27/2018/TLST-HS ngày 01 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 96/2018/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 6 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thanh S (T), sinh năm 1990; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp G, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Mạnh H (đã chết) và bà Hình Thị C, sinh năm 1956; anh chị em có hai người, bị cáo là người nhỏ nhất; chưa có vợ con.

- Tiền sự: Chưa;

- Tiền án: Ngày 20/3/2015, bị Tòa án nhân dân huyện A xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 26/12/2017 chấp hành xong hình phạt;

- Bị cáo bị tạm giam từ ngày 07/02/2018 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn H (Q), sinh năm 1984; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp T, thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Phước H, sinh năm 1940 và bà Tô Thị P, sinh năm 1940; anh chị em có năm người, bị cáo là người thứ ba; có vợ tên Lò Thị Bích T, sinh năm 1988 và có hai con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2014.

- Tiền sự: Chưa;

- Tiền án: Ngày 17/11/2016, bị Tòa án nhân dân huyện A xử phạt 01 năm 03 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 30/8/2017 chấp hành xong hình phạt.

- Nhân thân: Ngày 25/02/2013, bị Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang xử phạt 01 năm 06 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Bị cáo bị tạm giam từ ngày 12/02/2018 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

- Bà Lê Thị V, sinh năm 1964; nơi cư trú: Ấp V, xã C, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

- Anh Phan Văn D, sinh năm 1971; nơi cư trú: Ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang (vắng mặt).

- Anh Phạm Hoài N, sinh năm 1995; nơi cư trú: Ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang (có mặt).

- Anh Đặng Nghĩa T, sinh năm 1973; nơi cư trú: Khóm A, phường A, thành phố L, tỉnh An Giang (vắng mặt).

- Chị Phạm Thị Hồng N, sinh năm 1981; nơi cư trú: Ấp P, xã P, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

- Bà Trần Thị M, sinh năm 1963; nơi cư trú: Ấp 5, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

- Ông Phan Văn N, sinh năm 1960; nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Chí H, sinh năm 1987; nơi cư trú: Ấp 4, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1960 (có mặt).

- Ông Phạm Minh H, sinh năm 1969 (có mặt).

- Ông Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1931 (vắng mặt).

- Anh Lâm Quốc T, sinh năm 1972 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cò bạc nên sau khi ra tù vào ngày 27/12/2017, Nguyễn Thanh S (T) tiếp tục nảy sinh ý định đi tìm tài sản lấy trộm bán lấy tiền tiêu xài và đánh bạc. Khoảng 01 giờ ngày 06/02/2018, S một mình đi bộ từ nhà theo lộ nông thôn hướng về cầu R thuộc ấp V, xã V, huyện A thì Sơn phát hiện trại chăn vịt của chị Lê Thị V, S liền tiếp cận và phát hiện xe mô tô biển số 65H8 -1499 nhãn hiệu Victory dựng bên trong trại nên S liền lấy chìa khóa xe để trên đầu giường của vợ chồng chị V đang nằm ngủ cách nơi dựng xe khoảng 01 mét cắm vào ổ khóa xe rồi dẫn ra đường lộ nông thôn nô máy chạy hướng ra cầu R rồi rẽ trái đến trụ sở Công an xã V thuộc ấp V, xã V, S phát hiện tại trụ sở Công an

xã không đóng cửa, nên đi đến phòng anh Phan Văn D (Trưởng Công an xã) lấy trộm 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng. Sau đó, S tiếp tục điều khiển xe đến khu vực ấp V, xã V, huyện A. Tại đây, S dựng xe mô tô biển số 65H8 -1499 bên đường rồi leo vào hàng rào nhà ông Phạm Huỳnh V dùng hai tay nắm cửa kéo ra hai bên nhìn vào bên trong thấy ổ khóa móc hờ nên mở cửa (loại cửa kéo Đài Loan) đột nhập vào nhà phát hiện xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Exciter, biển số 67G1 - 209.17 dựng trong nhà có sẵn chìa khóa trong xe, nên S lấy chìa khóa mở cửa cổng hàng rào rồi dẫn xe ra đường chạy đi, bỏ lại xe mô tô 65H8 -1499 lại hiện trường. S điều khiển xe mô tô 67G1 - 209.17 đến nhà Nguyễn Văn H (Q) thuộc ấp T, thị trấn L, để mang xe qua Campuchia tiêu thụ và nói cho H biết xe này do S trộm của người khác. Đến sáng H và S mang xe qua dịch vụ cầm đồ Cao H – Ngọc N thuộc địa phận vương quốc Campuchia cầm được 20.000.000 đồng, xong S cho H 2.500.000 đồng. Sau đó, S đi xe đồ đến Casino giáp với V chơi đánh bạc thua hết.

Sáng ngày 07/02/2018, sau khi phát hiện bị mất xe nên ông Phạm Huỳnh V đến Công an xã V trình báo sự việc.

Sau khi tiếp nhận tin báo Công an xã V báo về Công an huyện A, đồng thời trích xuất hình ảnh từ camera an ninh phát hiện đối tượng trong camera giống Nguyễn Thanh S nên Công an huyện A kết hợp Công an xã T, thị xã T tiến hành mời S về trụ sở làm việc.

Qua làm việc S đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung nêu trên. Ngoài ra, S còn khai nhận thực hiện thêm 03 vụ trộm xe mô tô tại thị xã T đem đến nhà Nguyễn Văn H rồi mang sang Campuchia cầm lấy tiền chia nhau tiêu xài, cụ thể như sau:

- Vụ thứ nhất: Rạng sáng ngày 22/01/2018, S lén lút đột nhập vào phòng chuẩn trị đông y tại ấp C, xã C, thị xã T lấy trộm xe mô tô biển số 67B1-183.27 nhãn hiệu YAMAHA loại Sirius màu sơn đỏ đen của anh Đặng Nghĩa T. Sau khi lấy trộm xe, S điều khiển xe giao cho H tại thị trấn L và nói cho H biết xe này do S trộm của người khác kêu H đi cầm lấy tiền chia nhau tiêu xài thì H đồng ý. Sau đó H một mình mang qua dịch vụ cầm đồ Cao H – Ngọc N thuộc ấp 8, xã S, huyện C, tỉnh Kandal, vương quốc Campuchia cầm được 7.000.000 đồng, H đưa tiền cho S, S cho H 500.000 đồng.

- Vụ thứ hai: Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 31/01/2018, S lén lút lấy trộm xe đạp của bà Phạm Thị Hồng H, ngụ ấp P, xã P, thị xã T, lấy được xe đạp, S chạy xe đạp đi tìm tài sản lấy trộm thêm. Đến khoảng 01 giờ cùng ngày, S dùng cây tre đẩy mở móc khóa và đột nhập vào nhà của Trần Thị M ngụ ấp 5, xã V, thị xã T lấy trộm xe mô tô biển 67U1-8113 nhãn hiệu HONDA loại Future Neo Fi, màu sơn đen xám bạc, xong S điều khiển xe mô tô chạy đi, bỏ xe đạp lại hiện trường. S điều khiển xe đến giao cho H giống như lần trước kêu H đi cầm. H mang xe qua dịch vụ cầm đồ Cao H – Ngọc N cầm được 17.000.000 đồng, S cho 2.500.000 đồng.

- Vụ thứ ba: Khoảng 05 giờ ngày 04/02/2018, S lén lút đột nhập vào nhà của ông Phan Văn N, ngụ ấp T, xã T, lấy trộm 1.200.000 đồng và chiếc xe mô tô biển số 67U1-3021 nhãn hiệu HONDA loại Wave RSX, màu sơn xanh đen, S điều khiển xe mô tô 67U1-3021 đến nhà H. Sau đó, S và H bán cho người Campuchia tên R được 4.000.000 đồng, S cho H 1.000.000 đồng.

* Căn cứ các Kết luận về việc định giá tài sản số 13 ngày 01/02/2018, số 14, 15 cùng ngày 28/02/2018 và số 18 ngày 09/3/2018, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã T, tỉnh An Giang, xác định:

- 01 (một) xe mô tô loại SIRIUS, hiệu YAMAHA, màu sơn đen – đỏ, biển số 67B1 – 183.27 (đã qua sử dụng), có giá trị 12.600.000 đồng.

- 01 (một) xe mô tô loại Futuer Neo Fi, hiệu Honda, màu đen - xám – bạc, biển số 67U1 – 8113 (đã qua sử dụng), có giá trị 24.000.000 đồng.

- 01 (một) xe mô tô loại Wave RSX, hiệu Honda, màu đen – xanh, biển số 67U1 – 3021 (đã qua sử dụng), có giá trị 9.000.000 đồng.

- 01 (một) xe đạp, loại xe Thái Lan, kiểu xe nam, màu sơn xanh, ghi đông ngang, yên sau bằng kim loại (đã qua sử dụng), có giá trị 700.000 đồng.

* Căn cứ các Kết luận về việc định giá tài sản số 10, 11 cùng ngày 08/02/2018 và số 18 ngày 22/3/2018, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện A, tỉnh An Giang, xác định:

- 01 (một) xe mô tô loại Wave, hiệu Victory, màu xanh nhót, biển số 65H8 – 1499 (đã qua sử dụng), có giá trị 2.450.000 đồng.

- 01 (một) xe mô tô loại Exciter, hiệu YAMAHA, màu xanh – trắng, biển số 67G1 – 209.17 (đã qua sử dụng), có giá trị 30.100.000 đồng.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S, màu trắng (đã qua sử dụng), có giá trị 5.600.000 đồng.

Tổng giá trị các tài sản trên là: 84.450.000 đồng.

Ngày 10/02/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện A ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can, Lệnh tạm giam đối với Nguyễn Thanh S (T) về hành vi “*Trộm cắp tài sản*”. Đồng thời, ngày 05/3/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thị xã T ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Thanh Sơn (T) về hành vi “*Trộm cắp tài sản*”. Đến ngày 10/3/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện A ban hành Quyết định nhập vụ án hình sự và gọi chung là vụ án “*Trộm cắp tài sản*”.

Ngày 15/02/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện A ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can, Lệnh tạm giam đối với Nguyễn Văn H về hành vi “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Cáo trạng số 27/VKS-HS ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A truy tố:

1. Bị cáo Nguyễn Thanh S (T) về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

2. Bị cáo Nguyễn Văn H (Q) về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

- Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng truy tố, không có ý kiến tranh luận với quan điểm luận tội và mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị, mong muốn Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Bị hại, anh Phạm Hoài N có yêu cầu bị cáo S bồi thường số tiền 23.300.000 đồng bao gồm tiền chuộc xe 22.000.000 đồng và số tiền 1.300.000 đồng để bên trong xe chưa lấy lại được. Bị hại bà Trần Thị M có yêu cầu bị cáo S bồi thường số tiền mà bà M đã bỏ ra để chuộc lại xe là 19.000.000 đồng. Bị hại anh Phan Văn D có yêu cầu bị cáo bồi thường điện thoại di động hiệu OPPO F1S, màu trắng có giá trị theo Kết luận định giá tài sản là 5.600.000 đồng và số tiền 145.000 đồng. Tổng cộng 5.745.000 đồng. Đồng thời, anh N, bà M cùng có yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết bị cáo S theo quy định của pháp luật.

- Trong phát biểu luận tội, Kiểm sát viên trình bày:

Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có cơ sở xác định hành vi của bị cáo Nguyễn Thanh S (T) đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và hành vi của bị cáo Nguyễn Văn H (Q) đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy, khẳng định Cáo trạng truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét về nhân thân, các bị cáo đều có một tiền án về hành vi “*Trộm cắp tài sản*”, chưa được xóa án tích. Vì vậy, lần phạm tội này của các bị cáo được xem là “*Tái phạm*”, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bên cạnh đó, trong lần phạm tội này, các bị cáo đều 04 (bốn) lần thực hiện hành vi phạm tội với cùng một loại tội, trong đó, đối với bị cáo S là hành vi chiếm đoạt tài sản, đối với bị cáo H là hành vi biết rõ tài sản do người khác phạm tội mà có nhưng bị cáo vẫn nhận bán và cầm cố để hưởng lợi. Do đó, lần phạm tội này của các bị cáo cũng được xem là “*Phạm tội 02 lần trở lên*”, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuy nhiên, cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Riêng đối với bị cáo H, bị cáo còn có tình tiết giảm nhẹ khác là đầu thú.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh S (T) từ 05 năm đến 06 năm tù.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H (Q) từ 02 năm đến 03 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia Trung Quốc loại TA1017, màu đen, số IMEI 1 và 2: 357333086356452 và 357345087038453; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia loại 1100 màu trắng đen, đã qua sử dụng do đây là phương tiện dùng vào việc phạm tội.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) cây gỗ tre kích thước dài 28 x rộng 01 cm do là công cụ dùng vào việc phạm tội và không còn giá trị sử dụng.

Đề nghị buộc bị cáo H giao nộp số tiền 6.500.000 đồng hưởng lợi từ việc tiêu thụ tài sản do bị cáo S phạm tội mà có để sung vào ngân sách Nhà nước.

Đề nghị buộc bị cáo S phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của bị hại.

Đối với anh Lê Chí H, khi mua điện thoại di động hiệu OPPO F1S của bị cáo S, anh H không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có. Do đó, không đặt ra vấn đề trách nhiệm hình sự đối với anh H là phù hợp với quy định của pháp luật.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nhằm sớm được trở về với gia đình trở thành công dân lương thiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Mặc dù, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Tuy nhiên, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng đã có lời khai thể hiện rõ trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng này.

[2] Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập. Tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập là đầy đủ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người làm chứng không khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

Bị cáo Nguyễn Thanh S (T) và bị cáo Nguyễn Văn H (Q) cùng khai nhận: Do cần tiền tiêu xài và đánh bạc nên bị cáo S đã thực hiện 04 vụ chiếm đoạt tài sản, cụ thể như sau:

- Vụ thứ nhất: Rạng sáng ngày 22/01/2018, bị cáo S lén lút đột nhập vào phòng chuẩn trị đông y tại ấp C, xã C, thị xã T lấy trộm xe mô tô biển số 67B1-183.27 nhãn hiệu YAMAHA loại Sirius màu sơn đỏ đen của anh Đặng Nghĩa T. Sau đó, S nói cho H biết xe này do S trộm của người khác và kêu H đi cầm lấy tiền chia nhau tiêu xài. H một mình mang qua dịch vụ cầm đồ Cao H – Ngọc N thuộc ấp 8, xã S, huyện C, tỉnh Kandal, vương quốc Campuchia cầm được 7.000.000 đồng, H đưa tiền cho S, S cho H 500.000 đồng.

- Vụ thứ hai: Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 31/01/2018, S lén lút lấy trộm xe đạp của bà Phạm Thị Hồng H ngụ ấp P, xã P, thị xã T. Đến khoảng 01 giờ cùng ngày, S dùng cây tre đẩy mở móc khóa và đột nhập vào nhà của Trần Thị M ngụ ấp 5, xã V, thị xã T lấy trộm xe mô tô biển 67U1-8113 nhãn hiệu HONDA loại Future Neo Fi, S điều khiển xe mô tô chạy đi, bỏ xe đạp lại hiện trường. S điều khiển xe đến giao cho H và H mang xe qua dịch vụ cầm đồ Cao H – Ngọc N cầm được 17.000.000 đồng, S cho 2.500.000 đồng.

- Vụ thứ ba: Khoảng 05 giờ ngày 04/02/2018, S lén lút đột nhập vào nhà của ông Phan Văn N, ngụ ấp T, xã T, lấy trộm 1.200.000 đồng và chiếc xe mô tô biển số 67U1-3021 nhãn hiệu HONDA loại Wave RSX, màu sơn xanh đen, S điều khiển xe mô tô 67U1-3021 đến nhà H. Sau đó, S và H bán cho người Campuchia tên R được 4.000.000 đồng, S cho H 1.000.000 đồng.

- Vụ thứ tư: Khoảng 01 giờ ngày 06/02/2018, S một mình đi bộ từ nhà theo lộ nông thôn hướng về cầu R thuộc ấp V, xã V, huyện A thì S phát hiện trại chăn vịt của chị Lê Thị V. S liền tiếp cận và phát hiện xe mô tô biển số 65H8 -1499 nhãn hiệu Victory nên lén lút lấy trộm rồi chạy ra cầu R. Khi đến trụ sở Công an xã V, Sơn phát hiện tại trụ sở Công an xã không đóng cửa nên đi đến phòng anh Phan Văn D lấy trộm 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng. Sau đó, S tiếp tục điều khiển xe đến khu vực ấp V, xã V, huyện A. Tại đây, S dựng xe mô tô biển số 65H8 -1499 bên đường rồi đột nhập vào nhà ông Phạm Huỳnh V lén lút lấy trộm xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Exciter, biển số 67G1 - 209.17 của anh Phạm Hoài N, bỏ lại xe mô tô 65H8 -1499 tại hiện trường. S điều khiển xe mô tô 67G1 - 209.17 đến nhà H. Sau đó, S và H mang xe qua dịch vụ cầm đồ Cao H – Ngọc N thuộc địa phận vương quốc Campuchia cầm được 20.000.000 đồng, xong S cho H 2.500.000 đồng. Sau đó, S đi xe đồ đến Casino giáp với V chơi đánh bạc thua hết.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo ở giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của những người làm chứng: ông Nguyễn Hữu Đ về việc rạng sáng ngày 22/01/2018, ông Đ nhận thấy phòng chuẩn trị y học tại ấp C, xã C, thị xã T có dấu hiệu bị đột nhập, sau khi kiểm tra thì phát hiện xe mô tô biển số 67B1-183.27 nhãn hiệu YAMAHA loại Sirius màu sơn đỏ đen của anh Đặng Nghĩa T; ông Phạm Minh H về việc rạng sáng ngày 06/02/2018 ông H được biết nhà ông Phạm Huỳnh V bị mất trộm xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Exciter, biển số 67G1 - 209.17, ông H xác nhận đây là xe của con ông V là anh Phạm Hoài N, ông H cũng chứng kiến việc lực lượng Công an xã phát hiện chiếc xe mô tô cách nhà ông V khoảng 4 – 5 mét; bà Nguyễn Thị N về việc rạng sáng ngày 06/02/2018, bà N phát hiện trong nhà có dấu hiệu bị trộm, sau khi kiểm tra thì phát hiện bị mất trộm xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Exciter, biển số 67G1 - 209.17 của anh Phạm Hoài N (con ruột bà N).

Ngoài ra, lời khai của các bị cáo còn phù hợp với lời khai của bị hại bà Lê Thị V, anh Phan Văn D, anh Phạm Hoài N, anh Đặng Nghĩa T, chị Phạm Thị Hồng N, bà Trần Thị M, ông Phan Văn N về các tài sản bị mất trộm và khoảng thời gian bị mất. Bên cạnh đó, lời khai của bị cáo S còn phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường và bản ảnh hiện trường do Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện A và Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã T lập, đồng thời lời khai của các bị cáo cũng phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Theo Kết luận về việc định giá tài sản số 13 ngày 01/02/2018, số 14, 15 cùng ngày 28/02/2018 và số 18 ngày 09/3/2018, Kết luận về việc định giá tài sản số 10, 11 cùng ngày 08/02/2018 và số 18 ngày 22/3/2018 cùng của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện A, tỉnh An Giang thì tổng giá trị các tài sản mà bị cáo S đã chiếm đoạt là 84.450.000 đồng.

[4] Từ các căn cứ nêu trên có cơ sở xác định, bị cáo Nguyễn Thanh S (T) đã có hành vi lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác trong việc quản lý tài sản của bị hại, lén lút chiếm đoạt tài sản có tổng giá trị 85.650.000 đồng bao gồm các tài sản theo Kết luận về việc định giá tài sản số 13 ngày 01/02/2018, số 14, 15 cùng ngày 28/02/2018 và số 18 ngày 09/3/2018, Kết luận về việc định giá tài sản số 10, 11 cùng ngày 08/02/2018 và số 18 ngày 22/3/2018 cùng của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện A, tỉnh An Giang và số tiền 1.200.000 đồng của bị hại anh Phan Văn N, xâm phạm trực tiếp đến quan hệ sở hữu được luật hình sự bảo vệ. Đồng thời bị cáo Nguyễn Văn H (Q) đã có hành vi nhận tài sản từ bị cáo S để bán và đem đi cầm cố để hưởng lợi với số tiền 6.500.000 đồng mặc dù biết rõ đây là tài sản do bị cáo S phạm tội mà có, xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý nhà nước đối với tài sản. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác và tiêu thụ tài sản chiếm đoạt để hưởng lợi là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo Sơn thực hiện hành vi phạm tội một cách tinh vi, thể hiện thông qua việc bị cáo lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của bị hại, lợi dụng đêm tối để lén lút chiếm đoạt tài sản nhằm tránh bị cơ quan chức năng phát hiện, xử lý. Do đó, hành vi của bị cáo Sơn đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và hành vi của bị cáo Nguyễn Văn H (Q) đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện A truy tố các bị cáo ra trước phiên tòa ngày hôm nay và lời buộc tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

Tài sản hợp pháp của công dân phải qua quá trình lao động và tích lũy lâu dài mới có được. Do đó, tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật đến tài sản của công dân nếu thỏa mãn đầy đủ các dấu hiệu phạm tội được pháp luật hình sự điều chỉnh phải chịu biện pháp chế tài nghiêm khắc nhất là hình phạt. Các bị cáo đều đang ở độ tuổi lao động, lẽ ra các bị cáo nên tìm cho mình một công việc phù hợp để tạo thu nhập chính đáng nuôi sống bản thân và giúp đỡ gia đình. Tuy nhiên, với bản chất lười lao động nhưng lại muốn có tiền một cách nhanh chóng để thỏa mãn đam mê cờ bạc và tiêu xài cá nhân, các bị cáo đã cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương mà còn gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Đồng thời, xét về nhân thân, các bị cáo đều có một tiền án về hành vi “*Trộm cắp tài sản*”, chưa được xóa án tích nhưng lại tiếp tục phạm tội. Bản thân bị cáo H đã bị kết án lần thứ hai về cùng hành vi “*Trộm cắp tài sản*” trước thời điểm thực hiện hành vi “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Vì vậy, có thể thấy các bị cáo đều có nhân thân xấu, có ý thức xem thường pháp luật và không có thái độ ăn năn hối cải. Cho nên, xét thấy cần thiết phải có hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện để đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều có tiền án về hành vi “*Trộm cắp tài sản*”, chưa được xóa án tích, cụ thể:

+ Đối với bị cáo S: Ngày 20/3/2015, bị Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang xử phạt 04 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Ngày 26/12/2017 chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích.

+ Đối với bị cáo H: Ngày 17/11/2016, bị Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang xử phạt 01 năm 03 tháng tù, về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Ngày 30/8/2017 chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017: “*Tái phạm là trường hợp đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý hoặc thực hiện hành vi phạm tội về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do vô ý*”. Vì lẽ đó, lần phạm tội này của các bị cáo được xem là “*Tái phạm*”, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bên cạnh đó, trong lần phạm tội này, các bị cáo đều đã 04 (bốn) lần thực hiện với cùng một loại tội, xâm phạm đến cùng một khách thể trực tiếp, mà mỗi hành vi ấy đã có đủ các yếu tố cấu thành một tội phạm độc lập. Cho nên, lần phạm tội này của các bị cáo cũng được xem là “*Phạm tội 02 lần trở lên*”, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Riêng bị cáo Hải còn có tình tiết giảm nhẹ khác là đầu thú được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ xem xét áp dụng cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

[7] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo đều không có nghề nghiệp ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Về biện pháp tư pháp:

Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia Trung Quốc loại TA1017, màu đen, số IMEI 1 và 2: 357333086356452 và 357345087038453; 01 (một) điện thoại

di động nhãn hiệu Nokia loại 1100 màu trắng đen, đã qua sử dụng; xét tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước do đây là phương tiện dùng vào việc phạm tội.

- Đối với 01 (một) cây gỗ tre kích thước dài 28 x rộng 01 cm; xét tịch thu, tiêu hủy do là công cụ dùng vào việc phạm tội và không còn giá trị sử dụng.

Về yêu cầu bồi thường:

- Buộc bị cáo S bồi thường cho bị hại anh Phạm Hoài N số tiền 23.300.000 đồng.
- Buộc bị cáo S bồi thường cho bị hại bà Trần Thị M số tiền 19.000.000 đồng.
- Buộc bị cáo S bồi thường cho bị hại anh Phan Văn D số tiền 5.745.000 đồng.
- Buộc bị cáo S bồi thường cho bị hại ông Phan Văn N số tiền 13.200.000 đồng.

Đối với số tiền 6.500.000 đồng mà bị cáo H hưởng lợi từ việc tiêu thụ tài sản do bị cáo S phạm tội mà có, buộc bị cáo H giao nộp để sung vào Ngân sách Nhà nước.

[9] Về trách nhiệm của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh Lê Chí H khi mua điện thoại di động hiệu OPPO F1S từ bị cáo S đã không biết đây là tài sản do bị cáo phạm tội mà có. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện A không đặt ra vấn đề trách nhiệm hình sự đối với anh H là phù hợp với quy định của pháp luật.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, riêng bị cáo S còn phải chịu 3.062.250 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh S (T) phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” và bị cáo Nguyễn Văn H (Q) phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”;

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Nguyễn Thanh S (T): 05 (năm) năm tù;

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 07/02/2018 (*ngày bảy tháng hai năm hai nghìn không trăm mười tám*).

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Nguyễn Văn H (Q): 02 (hai) năm tù;

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 12/02/2018 (*ngày mười hai tháng hai năm hai nghìn không trăm mười tám*).

Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 1, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia Trung Quốc loại TA1017, màu đen, số IMEI 1 và 2: 357333086356452 và 357345087038453; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia loại 1100 màu trắng đen, đã qua sử dụng.

- Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) cây gỗ tre kích thước dài 28 x rộng 01 cm; xét do là công cụ dùng vào việc phạm tội và không còn giá trị sử dụng.

(theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 31/5/2018 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện A và Chi cục Thi hành án dân sự huyện A)

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn H (Q) giao nộp số tiền 6.500.000 (sáu triệu năm trăm nghìn) đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 584, Điều 585 và Điều 589 Bộ luật Dân sự;

- Buộc bị cáo Nguyễn Thanh S (T) bồi thường cho bị hại anh Phạm Hoài N số tiền 23.300.000 (hai mươi ba triệu ba trăm nghìn) đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thanh S (T) bồi thường cho bị hại bà Trần Thị M số tiền 19.000.000 (mười chín triệu) đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thanh S (T) bồi thường cho bị hại anh Phan Văn D số tiền 5.745.000 (năm triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thanh S (T) bồi thường cho bị hại ông Phan Văn N số tiền 13.200.000 (mười ba triệu hai trăm nghìn) đồng.

Căn cứ Điều 135, Điều 136, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh S (T) và bị cáo Nguyễn Văn H (Q) mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh S (T) phải chịu 3.062.250 (ba triệu không trăm sáu mươi hai nghìn hai trăm năm mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành đầy đủ khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Thời hạn kháng cáo đối với đương sự vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện A (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang (1);
- Nhà Tạm giữ - CA huyện A (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục THADS huyện A (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Người làm chứng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thuận Lợi